

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
THÀNH PHỐ TUY HÒA  
TỈNH PHÚ YÊN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 82/2022/HNGĐ-ST

Ngày: 25/8/2022

V/v tranh chấp ly hôn

**NHÂN DANH**  
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ TUY HÒA - TỈNH PHÚ YÊN**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Lê Xuân Thu

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Bà Phan Thị Oanh

2. Ông Lê Nghĩa.

*Thư ký phiên tòa:* Bà Nguyễn Thị Bích Hằng - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Tuy Hòa, tỉnh Phú Yên.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Tuy Hòa tham gia phiên tòa :  
ông Trần Thế Hiển - Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 8 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Tuy Hòa, xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân gia đình thụ lý số 180/2022/TLST-HNGĐ ngày 09 tháng 5 năm 2022 về việc “tranh chấp ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 80/2022/QĐST-HNGĐ ngày 15 tháng 7 năm 2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số 71/2022/QĐST - HNGĐ ngày 08 tháng 8 năm 2022 của Tòa án nhân dân thành phố Tuy Hòa, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Nguyễn Thị H, sinh năm 1973; Có mặt.

Địa chỉ: khu phố X, phường P, thành phố T, tỉnh Phú Yên.

- *Bị đơn:* Ông Lê Viết N, sinh năm 1976; Vắng mặt.

Địa chỉ: khu phố X, phường P, thành phố T, tỉnh Phú Yên.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*\* Tại đơn khởi kiện, quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, nguyên đơn bà Nguyễn Thị H trình bày được tóm tắt như sau:*

- Về hôn nhân: bà và ông Lê Viết N tự nguyện tìm hiểu và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân (UBND) thị trấn P, huyện T (nay là phường P, thành phố T) và được cấp giấy chứng nhận kết hôn số 121, quyển số 06 ngày 15/9/1997. Sau khi kết hôn, cuộc sống vợ chồng không hạnh phúc, thường xuyên phát sinh mâu thuẫn nguyên nhân do ông N có hành vi bạo lực gia đình, đánh bà gây thương tích. Bà đã nhiều lần khuyên giải, tha thứ nhưng ông N vẫn

không thay đổi. Do đó, vợ chồng sống ly thân từ năm 2017 đến nay, không ai quan tâm đến ai. Nay nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, mâu thuẫn trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được nên xin ly hôn.

- Về con chung: vợ chồng có 03 con chung tên Lê Thị Hồng M, sinh ngày 12/10/1993, Lê Viết P, sinh ngày 21/12/1997 và Lê Viết L, sinh ngày 14/4/2001. Hiện nay các con đều trưởng thành và phát triển bình thường nên không yêu cầu giải quyết.

- Về tài sản chung: không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: không có.

**\* Bị đơn ông Lê Viết N vắng mặt nên không trình bày.**

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Tuy Hòa tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng và việc giải quyết vụ án:

+ Ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án cấp sơ thẩm đã tuân theo đúng trình tự thủ tục pháp luật quy định, đảm bảo cho đương sự thực hiện đúng các quyền và nghĩa vụ. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa tuân thủ đúng thủ tục tố tụng; Đương sự chấp hành đúng quyền và nghĩa vụ của đương sự.

+ Ý kiến về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 tuyên xử: chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Về hôn nhân: bà Nguyễn Thị H được ly hôn ông Lê Viết N; về con chung, tài sản chung: không giải quyết; về nợ chung: không có; về án phí: nguyên đơn phải chịu theo quy định pháp luật.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: Yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là ly hôn thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn cư trú tại thành phố Tuy Hòa nên căn cứ điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án nhân dân thành phố Tuy Hòa thụ lý thuộc thẩm quyền.

[2] Việc giải quyết theo thủ tục vắng mặt đương sự: Bị đơn ông Lê Viết N được triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt nên căn cứ các Điều 227, 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án xét xử vắng mặt đương sự.

[3] Về yêu cầu khởi kiện:

[4] Về hôn nhân: bà Nguyễn Thị H và ông Lê Viết N tự nguyện tìm hiểu và đi đến hôn nhân, có đăng ký kết hôn tại UBND thị trấn P, huyện T (nay là

phường P, thành phố T) theo Giấy chứng nhận kết hôn số 121, quyền số 06 ngày 15/9/1997, là hôn nhân hợp pháp.

Theo lời trình bày bà H, vợ chồng phát sinh mâu thuẫn nguyên nhân do ông N có hành vi bạo lực gia đình, đánh bà gây thương tích. Từ năm 2017, bà H và ông N không sống chung, không quan tâm, chăm sóc lẫn nhau, tình cảm vợ chồng không còn là thuộc trường hợp mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng. Tòa án nhiều lần triệu tập ông N để lấy lời khai và hòa giải nhưng ông N không đến, điều này thể hiện ông N không có thiện chí hòa giải mâu thuẫn để vợ chồng đoàn tụ. Do đó, mâu thuẫn giữa bà H và ông N đã thật sự trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà H về việc xin ly hôn ông N.

[5] Về con chung: có 03 con chung tên Lê Thị Hồng M, sinh ngày 12/10/1993, Lê Viết P, sinh ngày 21/12/1997 và Lê Viết L, sinh ngày 14/4/2001. Hiện nay các con đều trưởng thành và phát triển bình thường. Bà H không yêu cầu giải quyết, do đó Tòa án không xem xét giải quyết.

[6] Về tài sản chung: bà Nguyễn Thị H trình bày không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[7] Về nợ chung: không có

[8] Về án phí: Nguyên đơn bà Nguyễn Thị H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về yêu cầu xin ly hôn là 300.000đ.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào:

+ Khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 227, 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

+ Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

**Tuyên xử:**

- Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, cho bà Nguyễn Thị H được ly hôn ông Lê Viết N.

- Về con chung: không xem xét giải quyết.

- Về tài sản chung: không xem xét giải quyết.

- Về nợ chung: không có.

- Về án phí: Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Bà Nguyễn Thị H phải nộp 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) án phí dân sự sơ thẩm về yêu cầu ly hôn; nhưng được khấu trừ vào số tiền 300.000đ (*Ba trăm*

*ngàn đồng*) tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0005252 ngày 06 tháng 5 năm 2022 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Tuy Hòa.

Đương sự có mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đối với đương sự vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

**Nơi nhận:**

- TAND tỉnh Phú Yên;
- VKSND TP. Tuy Hòa;
- Chi cục Thi hành án DS TP. Tuy Hòa;
- UBND phường P, thành phố T;
- Các đương sự;
- Lưu Hồ sơ vụ án;
- Lưu Tòa án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**  
**Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa**

**Lê Xuân Thu**





HỘI THẨM NHÂN DÂN

CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ

Lê Nghĩa

Nguyễn Thị Thu Thảo

Lê Xuân Thu

















